TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-PT
Ngày 22-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chum

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2023/TLPT-DS ngày 07/11/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 416/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP)trụ sở: số A, T, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Dương Thị Diễm Tsinh năm 1983; địa chỉ: A, đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương(văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954; địa chỉ: D, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông T1 bà Trương Ngọc Msinh năm 2000; thường trú: 103A/3, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: số E, đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương(văn bản ủy quyền ngày 09/6/2023); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Nsinh năm 1954; địa chỉ: D, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Dương Thị Diễm Ttrình bày:

Ngày 05/4/2022, Ngân hàng TMCP C(gọi tắt là V) có thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 với ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nnội dung hợp đồng thể hiện: Ngân hàng cho ông T1và bà Nvay số tiền 7.000.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, mục đích vay để bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ bị quá hạn. Ngày 08/4/2022, Ngân hàng giải ngân, bị đơn ký giấy nhận nợ số tiền 7.000.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2022, Ngân hàng tiếp tục thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 151/2022-HĐCVHM/NHCT901 với ông T1và bà Nnội dung hợp đồng thể hiện: Ngân hàng cho ông T1và bà Nvay số tiền 4.970.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ bị quá hạn. Ngày 12/4/2022, Ngân hàng giải ngân, bị đơn có ký giấy nhận nợ số tiền 4.970.000.000 đồng.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp cụ thể: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 122/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/4/2022 đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 3 tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT CR 286713, số vào sổ: CS03461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bcấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Văn T1

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi được quy định trong các hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Ntrả số tiền nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 25/8/2023 với tổng số tiền 12.484.812.139 đồng, trong đó: nợ gốc 11.038.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 1.269.395.949 đồng; lãi phạt 177.416.190 đồng; tiền lãi phát sinh đến khi ông T1và bà Nthực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông T1và bà Nkhông thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng.

Tại bản tự khai, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T1là chị Trương Ngọc Mtrình bày:

Thống nhất phần trình bày của Ngân hàng về việc hai bên ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản, quá trình thực hiện hợp đồng và thống nhất số tiền gốc còn nợ. Không thống nhất yêu cầu trả tiền lãi quá hạn và lãi phạt bởi vì đối với các khoản tiền lãi trên là quá cao, bị đơn không có khả năng trả nợ. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho trả tiền nợ gốc.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Nbà Nkhông có ý kiến và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Cđối với ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nvề việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Ncó nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Csố nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 05/4/2022 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 151/2022-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/4/2022 tính đến ngày 25/8/2023 với tổng số tiền 12.484.812.139 (mười hai tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm mười hai nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng, trong đó: nợ gốc: 11.038.000.000 (mười một tỷ, không trăm ba mươi tám triệu) đồng; tiền lãi quá hạn 1.269.395.949 (một tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín) đồng và lãi phạt 177.416.190 (một trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, một trăm chín mươi) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/8/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Ntrả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 05/4/2022 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 151/2022-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/4/2022.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nkhông thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Cđược quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 122/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/4/2022 là quyền sử dụng đất có diện tích 1141,1m2 thuộc thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 3 tại H, H, T, tỉnh Bình Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CR 286713, số vào sổ: CS03461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bcấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Văn T1

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/9/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt không tham dự phiên tòa, không cung cấp tài liệu chứng cứ mới, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn T1bà Nguyễn Thị Nđồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm trả nợ tiền gốc cho nguyên đơn Ngân hàng Vsố tiền là 11.038.000.000 đồng; đồng ý phần quyết định tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp không thanh toán được nợ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T1kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi quá hạn và lãi phạt vì điều kiện khó khăn không có khả năng chi trả. Như vậy, các phần khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét kháng cáo của bị đơn về phần trả tiền lãi quá hạn và lãi phạt.

[2[Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: ngày 05/4/2022, Ngân hàng Vvà ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Nký Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901; theo đó, ông T1bà Nvay số tiền 7.000.000.000 đồng. Ngân hàng Vđã giải ngân cho ông T1, bà Nvay số tiền 7.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 08/4/2022.

Ngày 12/4/2022, Ngân hàng Vvà ông Nguyễn Văn T1 - chủ hộ kinh doanh cơ sở Trường Pký Hợp đồng cho vay số 151/2022-HĐCV/NHCT901; theo đó, ông T1vay số tiền 4.970.000.000 đồng. Ngân hàng Vđã giải ngân cho ông T1vay số tiền 4.970.000.000 đồng đồng theo giấy nhận nợ ngày 12/4/2022.

Tính đến ngày 23/02/2023, ông T1bà Nđã trả nợ gốc là 932.000.000 đồng. Ngân hàng khởi kiện ông T1bà Nyêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 25/8/2023 với tổng số tiền 12.484.812.139 đồng, trong đó: nợ gốc 11.038.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn 1.269.395.949 đồng; lãi phạt 177.416.190 đồng; tiền lãi phát sinh đến khi ông T1và bà Nthực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Xét tại Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 05/4/2022 và Hợp đồng cho vay số 151/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 12/4/2022, khoản 5.2 Điều 5 các bên thỏa thuận: "bên cho vay được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà bên vay không trả đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay..."; điểm b khoản 2.01 Điều 1 quy định: "trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo điều 5.2 ...của hợp

đồng này thì bên vay phải lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01 (a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".

Ngoài ra, trong hợp đồng các bên cũng đã thỏa thuận tiền phạt vi phạm...; do đó, ông T1bà Nphải có trách nhiệm trả tiền lãi, lãi phạt và tiền lãi phát sinh cho Vđến khi ông T1và bà Nthực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Cđối với ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nvề việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Ncó nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Csố nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 05/4/2022 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 151/2022-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/4/2022 tính đến ngày 25/8/2023 ngày 25/8/2023 với tổng số tiền 12.484.812.139 đồng (mười hai tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm mười hai nghìn, một trăm ba mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc: 11.038.000.000 đồng (mười một tỷ, không trăm ba mươi tám triệu đồng); tiền lãi quá hạn 1.269.395.949 đồng (một tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và lãi phạt 177.416.190 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/8/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Ntrả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận

trong Hợp đồng cho vay số 135/2022-HĐCV/NHCT901 ngày 05/4/2022 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 151/2022-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/4/2022.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nkhông thanh toán nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Cđược quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 122/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/4/2022 là quyền sử dụng đất có diện tích 1141,1m2 thuộc thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 3 tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CR 286713, số vào sổ: CS03461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bcấp ngày 23/8/2019 cho ông Nguyễn Văn T1

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T1và bà Nguyễn Thị Nphải chịu 120.484.812 (một trăm hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, tám trăm mười hai đồng). Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C59.848.509 đồng (năm mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006177 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006795 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp; Tòa Kinh tế.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Chum